

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2022/DS-PT

Ngày 19-9-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N Trung Dũng

Các thẩm phán: Ông N Văn Tài

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông N Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 63/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DSST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Võ Việt H, sinh năm 1944 và bà Trần Thị T, sinh năm 1953; cùng địa chỉ: tổ 2, khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Phạm Đỗ Thùy L, sinh năm 1979 và ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; cùng địa chỉ liên hệ: khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2022);

- Bị đơn: ông Võ Đình N, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Đào Văn T1, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/11/2019);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Ngọc M, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Võ Ngọc Y, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

3. Bà Võ Ánh H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương;

4. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 2, khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

5. Bà Võ Thanh T2, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 4, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

6. Bà Võ Thu T3, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Ấp T, đường T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh;

7. Ông Võ Thành P, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 2, khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

8. Bà Võ Ngọc A, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 2, khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

9. Ông Võ Văn T4, sinh năm 1949; địa chỉ: số 241, tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

10. Bà Lương Thị M1, sinh năm 1955; địa chỉ: số 241, tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

11. Bà Võ Thị Phương Y, sinh năm 1981; địa chỉ: số 7/1 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

12. Ông Võ Trọng D, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

13. Ông Võ Trọng N2, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

14. Bà Đặng Thị Lệ H1, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

15. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L3; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2905/GUQ-UBND ngày 05/6/2020);

16. Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Minh T4, chức vụ: Chủ tịch UBND phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

- *Người làm chứng:*

1. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1945; địa chỉ: khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Võ Văn Rọi, sinh năm 1940; địa chỉ: khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

3. Ông Võ Văn T5, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

4. Ông Võ Văn S, sinh năm 1938; địa chỉ: khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Võ Việt H, bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Đỗ Thùy L trình bày*: Gia đình ông Võ Việt H, bà Trần Thị T là chủ sử dụng phần đất có diện tích 154m² thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 34 và một phần đất (hiện là ao) có diện tích 251m² thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34. Cả hai phần đất này tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSDĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Việt H, đất có nguồn gốc do ông bà để lại và gia đình ông H sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến năm 2017 không có ai tranh chấp.

Vào cuối tháng 12/2017, gia đình ông H, bà Tâm phát hiện ông Võ Đình N đổ bê tông và tiến hành xây tường rào bao chiếm toàn bộ 02 phần đất nêu trên của gia đình ông H, bà Tâm. Gia đình ông H, bà Tâm đã nhiều lần yêu cầu ông Võ Đình N dừng việc xây dựng tường rào lấn chiếm đất, tháo dỡ tường rào và trả lại hai phần đất có diện tích 405m² thuộc hai thửa đất nêu trên cho gia đình ông H, bà Tâm nhưng ông N không đồng ý. Do đó, ông H và bà Tâm khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Đình N trả lại diện tích 405m² thuộc thửa 233 và 234, tờ bản đồ số 34. Sau khi thụ lý, Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định, qua đo đạc thực tế thửa 233 có diện tích 93,9m², thửa 234 có diện tích 224,9m². Nay ông H, bà Tâm yêu cầu ông N tự tháo dỡ phần tường rào xây dựng lưới B40 và chặt bỏ toàn bộ cây trồng trên đất lấn chiếm gồm 01 cây xoài, 03 cây dừa, 01 cây bưởi và 19 cây cao su để trả lại diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông H, bà Tâm.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Đình N yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSDĐ/TU cấp ngày 12/01/1999 của hộ ông Võ Việt H để điều chỉnh lại theo đúng hiện trạng sử dụng đất, công nhận cho ông N diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì nguyên đơn không đồng ý, vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Việt H là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đào Văn T1 trình bày:* Ông Võ Đình N là chủ sử dụng các thửa đất số 235, 236, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 286, 287, 288, 289 tờ bản đồ số 34 tại xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số CH02998 ngày 16/8/2013, cấp lại lần hai ngày 16/8/2016 đứng tên ông Võ Đình N. Toàn bộ diện tích đất mà ông H, bà Tâm khởi kiện đã được cha mẹ của ông N sử dụng ổn định từ trước 1975 và sau đó đến năm 1999 - 2000 thì trồng cao su. Đến năm 2009 thì cha mẹ ông N tặng cho ông Võ Trọng D em ruột ông N. Đến năm 2013 anh Duy tặng cho lại ông N toàn bộ diện tích đất trên trong đó có phần đất mà hiện nay nguyên đơn ông H, bà Tâm tranh chấp với ông N. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông N có đơn phản tố yêu cầu Tòa án kiến nghị UBND thị xã T thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSĐĐ/TU đã cấp cho hộ ông Võ Việt H ngày 12/01/1999 để điều chỉnh lại theo đúng hiện trạng sử dụng, công nhận cho ông N diện tích 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Ngọc M, bà Võ Ngọc Y, bà Võ Ánh H, bà Võ Thị N1, bà Võ Thanh T2, ông Võ Thành P và bà Võ Ngọc A thống nhất trình bày:* Nguyên gia đình bà M, bà Y, bà H, bà N1, bà T2, anh Phái và bà A là chủ sử dụng phần đất có diện tích 154m² thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 34 và một phần đất (hiện là ao) có diện tích 251m² thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34. Cả hai phần đất này tọa lạc tại ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương và đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00810 QSĐĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Việt H. Gia đình ông H quản lý, sử dụng phần diện tích đất nêu trên từ trước năm 1975 đến nay mà không có bất cứ tranh chấp gì với ai.

Vào cuối tháng 12-2017, ông Võ Đình N tiến hành đổ bê tông móng và xây tường rào bao chiếm toàn bộ 02 phần đất có tổng diện tích 405m² nêu trên của gia đình ông H. Gia đình ông H đã nhiều lần yêu cầu ông N dừng việc xây dựng tường rào lấn chiếm đất, tháo dỡ tường rào trả lại 02 phần đất có diện tích 405m² nêu trên nhưng ông Võ Đình N không đồng ý. Quá bức xúc trước sự việc trên, ngày 23/4/2018, ông H và bà Tâm làm đơn tranh chấp yêu cầu Ủy ban nhân dân xã V tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông N. Ngày 07/6/2018 Ủy ban nhân dân xã V đã tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên nhưng ông N không đồng ý trả lại diện tích đất 405m² nêu trên cho gia đình ông H.

Nhận thấy phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 233, 234 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp 3, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ gia đình ông H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810 QSĐĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 12/01/1999 nhưng ông Võ Đình N ngang nhiên xây dựng tường rào bao chiếm toàn bộ là hoàn toàn trái với quy định của pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông

H. Do đó, ông H và bà Tâm khởi kiện yêu cầu bị đơn ông N phải tháo dỡ tường rào xây dựng lấn chiếm trên phần đất có diện tích 154m^2 (đo đạc thực tế $93,9\text{m}^2$) thuộc thửa đất số 233 và diện tích 251m^2 (đo đạc thực tế $224,9\text{m}^2$), tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương để trả lại đất cho nguyên đơn. Bà M, bà Y, bà H, bà N1, bà T2, anh Phái và chỉ Ảnh không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thu T3 trình bày:* Từ nhỏ lớn lên bà Trang biết phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà Trang là ông Võ Việt H và bà Trần Thị T sử dụng cột bò, nuôi vịt không tranh chấp với ai. Bà Trang thống nhất với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn, không có yêu cầu độc lập đối với vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T4 trình bày:* Ông Võ Việt H, bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông N tự tháo dỡ phần tường rào xây dựng lưới B40 và chặt bỏ toàn bộ cây trồng trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích đất $93,9\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất $224,9\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông H, bà Tâm vì cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là không đúng. Toàn bộ hai phần đất tranh chấp nêu trên đã được cha mẹ ông T4 sử dụng từ trước năm 1975, sau đó đến năm 1976 thì để lại cho ông T4 sử dụng, ông T4 tặng cho lại con là Võ Trọng D vào năm 2009 và đến năm 2013 thì Duy tặng cho lại anh trai Võ Đình N. Diện tích đất tranh chấp nằm trong tổng thể diện tích đất khoảng hơn 4000m^2 mà gia đình ông N hiện đang quản lý, sử dụng. Trên đất hiện nay có cây cao su được trồng từ năm 1999, năm 2000 hiện vẫn đang do gia đình ông N khai thác mủ. Từ trước đến nay gia đình ông H, bà Tâm không sử dụng đất và cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với việc sử dụng đất và khai thác mủ cao su của gia đình ông Võ Đình N. Ông N đã xây tường rào kiên cố bao quanh từ tháng 9/2017. Khi ông N xây dựng tường rào thì chính ông H, bà Tâm là người chỉ ranh mốc. Ông H, bà Tâm cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông H, bà Tâm vì đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H là có sự nhầm lẫn của cơ quan chức năng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không qua đo đạc thực tế, không ký giáp ranh mà sử dụng bản đồ không ảnh cho nên có sự nhầm lẫn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H theo diện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà vào năm 1999 đã không tuân thủ quy định của pháp luật, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn kiến nghị UBND thị xã T thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H để điều chỉnh lại theo hiện trạng sử dụng, công nhận cho bị đơn ông Võ Đình N diện tích $93,9\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất $224,9\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M1 trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình chồng để lại cho vợ chồng bà M1 canh tác và sử dụng, đến năm 1999 thì vợ chồng bà M1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00967/QSDĐ/TU ngày 12/01/1999 đứng tên hộ ông Võ Văn T4, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cấp đại trà, không qua đo đạc thực tế. Mặc dù, đất cấp cho hộ ông Võ Văn T4 nhưng các con của vợ chồng bà M1 không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì, đây là tài sản của vợ chồng bà M1. Khoảng năm 1999 vợ chồng bà M1 trồng cây cao su trên toàn bộ diện tích đất của gia đình, trong đó có cả phần đất tranh chấp. Đến năm 2009 thì vợ chồng bà M1 tặng cho con là ông Võ Trọng D, trong đó có phần đất hiện nay ông H và bà Tâm đang tranh chấp với ông Võ Đình N. Do là tài sản của vợ chồng bà M1 nên khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì chỉ có hai vợ chồng bà M1 ký hợp đồng tặng cho. Đến năm 2013, ông Võ Trọng D đã tặng cho lại anh trai là ông Võ Đình N, trong đó có phần đất tranh chấp mà vợ chồng bà sử dụng ổn định từ trước đến nay không có ai tranh chấp. Khi ông Võ Đình N xây dựng tường rào bao quanh khu đất, ông H, bà Tâm không có ý kiến gì. Năm 2018 thì ông H và bà Tâm mới phát sinh tranh chấp, bà M1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Tâm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Đình N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Phương Y trình bày:* Bà Y là con của ông Võ Văn T4 và bà Lương Thị M1, bà Y được biết năm 1999 gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00967/QSDĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Văn T4. Mặc dù đất cấp cho hộ gia đình ông Võ Văn T4 nhưng đây là tài sản của cha mẹ bà Y, bà Y không tham gia canh tác sử dụng đất. Năm 1999 bà Y lấy chồng và chuyển về nhà chồng sinh sống, đến năm 2002 bà Y cắt hộ khẩu về địa chỉ Bình Phước A, Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương. Đối với vụ án bà Y không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trọng D trình bày: Ông Võ Việt H và bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông N tự tháo dỡ phần tường rào xây dựng lưới B40 và chặt bỏ toàn bộ cây trồng trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông H, bà Tâm vì cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là không đúng. Cả hai phần đất tranh chấp nêu trên đã được ông bà nội của anh Duy sử dụng từ trước năm 1975, sau đó đến năm 1976 thì để lại cho cha anh Duy là ông Võ Văn T4 sử dụng. Năm 2009 ông T4 tặng cho lại anh Duy và đến 2013 thì anh Duy tặng cho lại cho ông Võ Đình N. Diện tích đất tranh chấp trên nằm trong tổng diện tích khoảng hơn 4000m² mà gia đình ông Võ Đình N hiện đang quản lý, sử dụng. Trên đất hiện nay có cây cao su được trồng từ năm 1999, 2000 hiện vẫn đang do gia đình ông N khai thác mủ, từ trước đến nay gia đình ông H, bà Tâm không sử dụng đất và cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với việc sử dụng đất và khai thác mủ cao su của gia đình ông N. Ông Võ Đình N đã xây tường rào kiên cố bao quanh từ tháng 9/2017. Khi ông N xây dựng tường rào thì chính ông H, bà Tâm là người chỉ ranh mốc. Việc phân đất tranh

chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H, bà Tâm là do có sự nhầm lẫn của cơ quan chức năng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không qua đo đạc thực tế, không ký giáp ranh mà sử dụng bản đồ không ảnh cho nên có sự nhầm lẫn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H theo diện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà vào năm 1999 đã không tuân thủ quy định của pháp luật, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn kiến nghị UBND thị xã T thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Võ Việt H để điều chỉnh lại theo hiện trạng sử dụng, công nhận cho bị đơn ông Võ Đình N diện tích 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trọng N2 trình bày:* Anh Nghĩa là con của ông Võ Văn T4 và bà Lương Thị M1. Năm 1999 cha mẹ anh Nghĩa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù, đất cấp cho hộ gia đình nhưng đây là tài sản của cha mẹ anh Nghĩa, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh Nghĩa còn nhỏ không canh tác, sử dụng đất. Đối với vụ án anh Nghĩa không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Lệ H1 trình bày:* Bà H1 là vợ của ông Võ Đình N, khi lấy ông N thì những tài sản hiện đang tranh chấp đã được gia đình nhà chồng sử dụng từ lâu và là những tài sản được tặng cho riêng. Do đó, bà H1 không có ý kiến gì trong việc tranh chấp trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày:*

Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00967/QSĐĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Văn T4 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSĐĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Việt H được thực hiện theo trình tự, thủ tục kê khai đăng ký đất đai ban đầu, lập hồ sơ địa chính và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt trên địa bàn xã V, trên cơ sở bản đồ địa chính đã có hệ tọa độ theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998, không T1 hành đo đạc thực tế.

Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02190 ngày 14/7/2009 cho ông Võ Trọng D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02985 ngày 16/8/2013 cho ông Võ Đình N được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 152 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai 2003 và Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Khi cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho ông Võ Trọng D và ông Võ Đình N không T1 hành đo đạc thực tế, cấp trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Theo mảnh trích lục địa chính (có đo đạc chính lý) ngày 13/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T thể hiện có diện tích 60,4m² thuộc thửa 233 và diện tích 26,1m² thuộc thửa 234 hiện trạng là đường đất, đường đất này do Nhà nước quản lý.

Về việc đương sự đề nghị thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSĐĐ/TU đã cấp cho hộ ông Võ Việt H ngày 12/01/1999 để điều chỉnh lại theo đúng hiện trạng sử dụng của bị đơn ông Võ Đình N đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường V trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSĐĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Việt H không qua đo đạc thực tế, được cấp đại trà vào năm 1999 qua bản đồ không ảnh. Con đường đất cụt thực tế thể hiện trên mảnh trích lục địa chính ngày 13/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Bình Dương từ trước đến nay không có thay đổi vị trí, về diện tích của con đường thì quá trình sử dụng các hộ dân có mở rộng ra hai bên (địa phương không biết cụ thể mở rộng bao nhiêu). Con đường đất cụt trên do UBND phường V quản lý. Đối với diện tích 60,4m² thuộc thửa 233 và diện tích 26,1m² thuộc thửa 234 hiện trạng là đường đất cụt thì đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án giữ nguyên hiện trạng con đường đất cụt để phục vụ vào mục đích công cộng vì con đường đất cụt này đã hình thành từ khoảng trước năm 1975 cho đến nay.

Đối với thửa đất 233 và thửa đất 234 thì trước đây ông Võ Việt H, bà Trần Thị T với ông Võ Đình N không có tranh chấp. Đến năm 2018 thì hai bên phát sinh tranh chấp và UBND xã (nay là phường) V tiến hành hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên vào ngày 07/6/2018, kết quả hòa giải không T5 nên ông H, bà Tâm khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã T. Khi ông Võ Đình N xây dựng tường rào bao quanh thửa đất số 233, 234 thì ông Võ Việt H không làm đơn đề nghị gửi UBND xã (nay là phường) V đình chỉ việc xây dựng.

- Người làm chứng ông Võ Văn S trình bày: Ông Võ Việt H là em ruột ông S và nhà ông S cách vị trí đất tranh chấp khoảng 01km nên ông S có biết việc tranh chấp giữa ông H và bà Tâm với ông N. Nguồn gốc đất tranh chấp là do cha ông S tên Võ Văn Út (đã chết) để lại cho ông Võ Việt H sử dụng từ trước năm 1975 đến nay và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999. Còn nguồn gốc đất của ông Võ Đình N là do ông Võ Văn T4 để lại cho ông N. Ông T4 không sinh sống tại V mà sinh sống ở phường T, thị xã T nên thỉnh thoảng mới thuê người về dọn dẹp đất. Đến năm 2018 ông N xây dựng tường rào xung quanh khu đất nên hai bên xảy ra tranh chấp đến nay, trên đất tranh chấp có cây cao su của ông T4 trồng được khoảng hơn 10 năm, khi ông T4 trồng cao su trên đất hai bên có xảy ra tranh chấp nhưng sau đó sự việc thế nào thì ông S không biết.

- *Người làm chứng ông Võ Văn T5 trình bày:* Ông T5 có biết sự việc tranh chấp đất giữa vợ chồng ông Võ Việt H, bà Trần Thị T với ông Võ Đình N vì đất nhà ông T5 gần với đất của vợ chồng ông H và ông N. Ông T5 cũng đang tranh chấp với ông N về phần đất thổ mộ của gia đình giáp với phần đất hiện nay các bên đang tranh chấp, vụ việc đang được Tòa án thị xã T thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác. Nguồn gốc đất của ông H là do cha ông H tên Võ Văn Út (đã chết) để lại cho ông H, ông H sử dụng để cọt trâu, bò vì trên đất có một cái hố bom, phần đất tranh chấp có diện tích khoảng 400m². Còn nguồn gốc đất của ông N là do ông Võ Văn T4 để lại cho ông N. Ông T4 không sinh sống tại xã V mà sinh sống ở phường T, thị xã T nên thỉnh thoảng mới thuê người về dọn dẹp đất. Đến năm 2018 ông N xây dựng tường rào xung quanh khu đất thì hai bên xảy ra tranh chấp đến nay. Phần đất của ông N không giáp với đất của ông H mà giáp với đường xe bò phía trong, hiện nay đường xe bò này không còn. Trên đất tranh chấp có cây cao su của ông T4 trồng được khoảng hơn 10 năm, khi ông T4 trồng cao su trên đất thì hai bên có xảy ra cãi vã nhưng thời gian đã lâu ông T5 không nhớ cụ thể. Còn hai bên tranh chấp và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết là từ năm 2018.

- *Người làm chứng bà Võ Thị H2 trình bày:* Bà H2 có quan hệ họ hàng với gia đình ông H. Cách đây khoảng 15 năm bà H2 có nghe bà Trần Thị T vợ ông Võ Việt H nói về việc có chửi nhau với ông Võ Đình N do ông N trồng cao su trên đất tranh chấp, phần đất tranh chấp là một hố bom, nguồn gốc đất là do cha ông H để lại cho ông H. Khoảng tháng 01, 02 năm 2019 ông N xây hàng rào thì bà H2 có nghe nói ông H có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã V đình chỉ việc xây dựng nhưng Ủy ban nhân dân xã V có đình chỉ việc xây dựng hay không thì bà H2 không biết. Bà H2 biết hiện nay phần đất tranh chấp ông N đang quản lý sử dụng và trồng cao su trên đất được khoảng 15 năm. Việc vợ chồng ông H có sử dụng đất hay không, có tài sản trên đất hay không thì bà H2 không biết.

- *Người làm chứng ông Võ Văn Rọi trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Võ Việt H để lại cho ông H, trong đó phần đất tranh chấp có một cái hố bom nằm dọc theo bờ tường khoảng 100m, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông N đã sử dụng để trồng cao su được khoảng 10 năm. Hai bên xảy ra tranh chấp vào năm 2018, khi ông N xây dựng tường rào, ông H có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã V để yêu cầu đình chỉ việc xây dựng, việc Ủy ban nhân dân xã V có đình chỉ việc xây dựng hay không thì ông Rọi không biết. Con đường đất cụt trước đây nằm phía trong phần đất tranh chấp, sau giải phóng các hộ dân không đi con đường phía trong phần đất tranh chấp này nữa mà mở con đường phía ngoài tường rào do ông N xây dựng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DSST ngày 30/7/2020, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 6, khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Việt H và bà Trần Thị T với bị đơn ông Võ Đình N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất yêu cầu ông N tự tháo dỡ phần tường rào xây dựng lưới B40 và chặt bỏ toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Đình N công nhận cho ông Võ Đình N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00801QSDĐ/TU đã cấp cho hộ ông Võ Việt H ngày 12/01/1999 đối với thửa số 233, 234 tờ bản đồ 34 để điều chỉnh cấp lại đúng với hiện trạng sử dụng đất.

Ông Võ Đình N có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 04/8/2020, nguyên đơn ông Võ Việt H, bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 233 và thửa đất số 234 tờ bản đồ số 34 tại khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Theo biên bản xem xét thẩm định lần đầu xác định có 15 cây cao su do ông T4 trồng năm 1999, sau khi nguyên đơn xác định lại diện tích đất tranh chấp thì kết quả xem xét, thẩm định lại xác định chỉ còn 01 cây cao su do ông T4 trồng năm 1999. Như vậy, trên đất tranh chấp có tài sản của bị đơn, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh được việc khi ông T4 trồng cây cao

su trên đất, nguyên đơn có sự ngăn cản. Trên đất tranh chấp không có tài sản nào của nguyên đơn. Ngoài ra, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn được cấp theo diện đại trà, không đo đạc thực tế, đến năm 2018, nguyên đơn và bị đơn mới phát sinh tranh chấp. Không có căn cứ xác định nguyên đơn sử dụng phần đất tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Thái Thanh H, ông Võ Văn T4, bà Lương Thị M1, bà Võ Thị Phương Y, ông Võ Trọng D, ông Võ Trọng N2, bà Đặng Thị Lệ H1, UBND thị xã T, UBND phường V đã có đề nghị xét xử vắng mặt; bà Võ Ngọc M, bà Võ Ngọc Y, bà Võ Ánh H, bà Võ Thị N1, bà Võ Thanh T2, bà Võ Thu T3, ông Võ Thành P, bà Võ Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Võ Việt H và bà Trần Thị T cho rằng diện tích đất 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của cha mẹ ông H để lại cho ông H, hộ ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSDĐTU vào ngày 12/01/1999. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Đình N tự tháo dỡ phần một phần tường rào lưới B40, trụ bê tông, móng bê tông, có chiều dài 34m, chiều cao 03m và chặt bỏ toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 01 cây xoài, 03 cây dừa, 01 cây bưởi, 15 cây cao su trồng năm 1999, 04 cây cao su trồng năm 2000, để trả lại 02 phần đất trên cho nguyên đơn. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu đo đạc lại phần diện tích tranh chấp, xác định thửa đất số 233 diện tích tranh chấp là 85,8m² (giảm 8,1m²), thửa đất số 234 diện tích đất tranh chấp là 220,5m² (giảm 3,5m²), các tài sản trên đất tranh chấp gồm 01 phần hàng rào móng bê tông, trụ bê tông, lưới B40, 01 cây xoài, 01 cây bưởi, 01 cây cao su trồng năm 1999, 04 cây cao su trồng năm 2002.

Bị đơn ông Võ Đình N cho rằng 02 phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà để lại cho ông Võ Văn T4 (cha ông N), ông T4 đã trồng cao su trên đất từ năm 1999, năm 2000. Năm 2009, ông T4 tặng cho con là Võ Trọng D (em trai ông N), đến năm 2013 thì ông D tặng cho lại ông N, bị đơn sử dụng ổn định đến năm 2018 thì mới phát sinh tranh chấp nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, phản tố yêu cầu Tòa án kiến nghị UBND thị xã T thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSDĐ/TU đã cấp cho hộ ông Võ Việt H ngày 12/01/1999 để điều chỉnh lại theo đúng hiện trạng sử dụng đất, công nhận cho ông N diện tích 93,9m² thuộc thửa đất số 233 và diện tích đất 224,9m² thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp (nay khu phố) 3, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc 02 thửa đất 233, 234 là do cha mẹ để lại cho nguyên đơn nhưng tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 29-8-1998 nguyên đơn khai là khai hoang năm 1994. Tại các Biên thẩm xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09-11-2018, ngày 25-5-2020 của Tòa án nhân dân thị xã T; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thể hiện toàn bộ tài sản trên đất là của gia đình bị đơn, nguyên đơn còn cho rằng khi gia đình bị đơn trồng cao su trên đất tranh chấp nguyên đơn có ngăn cản, nhổ bỏ cao su của ông T4 trồng và vào khoảng tháng 9/2017 khi bị đơn ông N xây dựng tường rào kiên cố, kết cấu móng bê tông, trụ bê tông, lưới B40 bao quanh thửa đất tranh chấp số 233, 234, nguyên đơn có báo chính quyền địa phương nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi gia đình nguyên đơn chỉ ở cách thửa đất tranh chấp khoảng 100m. Theo Công văn số 531/UBND-ĐC ngày 08-6-2020 của UBND phường V xác định khi ông N xây dựng tường rào bao quanh thửa đất số 233, 234, ông H không làm đơn gửi UBND xã (nay là phường) V, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ được UBND xã V hòa giải vào ngày 07/6/2018. Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn sử dụng hai phần đất tranh chấp nêu trên từ năm 1975 đến năm 2017 nhưng khi đo đạc, thẩm định nguyên đơn không xác định được ranh giới của hai thửa đất tranh chấp điều này được thể hiện qua mảnh trích lục địa chính ngày 13/12/2018 và ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Bình Dương. Mặt khác, tại Công văn số 2776/PTNMT-ĐĐ ngày 01/11/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T và Biên bản lấy lời khai người đại diện hợp pháp của UBND thị xã T thì khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00810/QSĐĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Việt H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00967/QSĐĐ/TU ngày 12/01/1999 cho hộ ông Võ Văn T4 được thực hiện theo trình tự, thủ tục kê khai đăng ký đất đai ban đầu, lập hồ sơ địa chính và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt trên địa bàn xã V, trên cơ sở bản đồ địa chính có hệ tọa độ theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐĐ ngày 16/3/1998, không T1 hành đo đạc thực tế và điều này được UBND xã (nay là phường) V xác nhận tại Công văn số 531/UBND-ĐC ngày 08/6/2020. Xét thấy, nguyên đơn không chứng minh được nguồn gốc 02 thửa đất tranh chấp, không chứng minh được quá trình sử dụng đất của nguyên đơn đối với hai thửa đất tranh chấp, đồng thời UBND thị xã T xác nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn cấp theo trình tự kê khai đăng ký đất đai ban đầu, lập hồ sơ địa chính và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt, không T1 hành đo đạc thực tế, trong khi bị đơn chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, lâu dài. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Việt H, bà Trần Thị T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DSST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá tại Tòa án cấp phúc thẩm: Nguyên đơn ông Võ Việt H, bà Trần Thị T phải chịu 6.455.491 đồng, ông H, bà Tâm đã thực hiện xong.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Việt H, bà Trần Thị T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Dũng